

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh
áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
554/TTr-SKH-CN ngày 15/3/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí về Làng thông minh áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

1. Khái niệm Làng thông minh:

Làng thông minh - Đồng Tháp là mô hình kết nối cộng đồng ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển nông thôn bền vững, hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống người dân dựa trên thể mạnh và cơ hội của địa phương.

2. Khung cấu trúc mô hình Làng thông minh:

- Quy mô Làng thông minh dựa trên ít nhất một ấp;
- Làng thông minh là mô hình kết nối cộng đồng mang tính tự nguyện;
- Làng thông minh được xác định tại một khu vực địa lý, địa bàn cụ thể;
- Làng Thông minh cần gắn liền với ít nhất một Hội quán nông dân hoặc một Hợp tác xã hay Tổ hợp tác sản xuất;

đ) Làng thông minh phải có sản phẩm đặc thù của địa phương; sản phẩm này đạt chuẩn từ 04 sao trở lên thuộc Chương trình OCOP;

e) Làng thông minh có quy định/quy chế về quản trị và vận hành phù hợp với việc đầu tư, khai thác và phát triển các hạng mục công trình liên quan.

2. Bộ tiêu chí Làng thông minh được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh này là căn cứ để xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đồng thời làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá, thẩm định và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; là cơ sở xét khen thưởng trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì xây dựng về thủ tục, hồ sơ đánh giá theo tiêu chí do cơ quan, đơn vị được giao phụ trách hướng dẫn từng tiêu chí để triển khai thực hiện.

b) Đôn đốc các sở, ban, ngành Tỉnh xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện Khung cấu trúc mô hình và các tiêu chí, chỉ tiêu Làng thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

c) Chủ trì thẩm định, đánh giá, công nhận Làng thông minh theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

d) Hướng dẫn các huyện, thành phố trong công tác thẩm tra, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận Làng thông minh theo đúng quy định của Tỉnh.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Tỉnh:

a) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện xây dựng Làng thông minh của các xã trên địa bàn Tỉnh làm căn cứ công nhận xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp kết quả xây dựng Làng thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

3. Các sở, ban, ngành Tỉnh được giao phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí căn cứ chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được phân công, triển khai hướng dẫn xây dựng Khung cấu trúc mô hình Làng thông minh và thực hiện tiêu chí Làng thông minh quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Căn cứ vào hướng dẫn của các sở, ban, ngành Tỉnh phụ trách tiêu chí để đánh giá từng tiêu chí của Làng thông minh.

b) Hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện theo Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

c) Hàng năm, tổ chức đánh giá, thẩm định tiêu chí Làng thông minh của các xã. Hoàn chỉnh hồ sơ trình các sở, ban, ngành Tỉnh phụ trách công nhận đối với các tiêu chí đạt của Làng thông minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh;
- BCSD/UBND Tỉnh (b/c);
- VPTU và các Ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh;
- UBMTTQVN, các tổ chức CT-XH Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- TV BCĐNTMTCCNNGNBV Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- VPĐP NTMTCCN Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC/KT (VA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ LÀNG THÔNG MINH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Nhóm tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách
1. Hạ tầng số	Hạ tầng kết nối Internet	1.1. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động	$\geq 50\%$	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.2. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.3. Có hệ thống camera giám sát an ninh (các nút giao thông trọng điểm, khu vực đông người), hoạt động ổn định.	Đạt	Công an Tỉnh
		1.4. Tỷ lệ thành viên Tổ Điều hành sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet để phục vụ hoạt động vận hành Làng thông minh.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
2. Dịch vụ số chia sẻ và dùng chung	Chia sẻ thông tin	2.1. Có hệ thống thông tin dữ liệu Làng thông minh.	≥ 01	Sở Thông tin và Truyền thông
		2.2. Có nội dung quảng bá hình ảnh Làng thông minh trên Cổng/Trang thông tin điện tử <i>cấp huyện</i> và được cập nhật <i>ít nhất 1 lần/tháng</i>	≥ 01	Sở Thông tin và Truyền thông
		2.3. Có ứng dụng kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong bộ phận dân cư địa phương và người dân với chính quyền.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		2.4. Có mô hình quan trắc thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất/sinh hoạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		2.5. Có kênh kỹ thuật số phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...), tương tác, giải quyết ý kiến của người dân thông qua mạng kết nối.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
	Dịch vụ số	2.6. Mức độ áp dụng chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Mức độ 3	Sở Giáo dục và Đào tạo

Nhóm tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách
2. Dịch vụ số chia sẻ và dùng chung	Dịch vụ số	2.7. Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai thanh toán không dùng tiền mặt	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.8. Tỷ lệ tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện tại Công an cấp xã về: đăng ký và xoá đăng ký thường trú, đăng ký và xoá đăng ký tạm trú, tách hộ, điều chỉnh và xác nhận thông tin cư trú, thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng, đăng ký xe mô tô xe gắn máy qua dịch vụ công trực tuyến.	$\geq 50\%$	Công an Tỉnh
		2.9. Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn được triển khai giáo dục STEM/STEAM	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.10. Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn có triển khai mô hình giáo dục thông minh	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.11. Mức độ áp dụng thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất trong thực hiện chuyển đổi số.	Mức độ 4	Sở Nội vụ
		2.12. Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khoẻ điện tử	$\geq 90\%$	Sở Y tế
		2.13. Tỷ lệ người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến	$\geq 70\%$	Sở Nội vụ
3. Phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn	Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh	3.1. Có ít nhất 01 sản phẩm ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc với sự tham gia của người dân	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Có sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên kênh thương mại điện tử	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.3. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, năng suất, sản lượng, cơ cấu giống, lịch xuống giống, hạ tầng thủy lợi.	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.4. Có mã số vùng trồng sản phẩm chủ lực được cấp (cây lúa: $\geq 85\%$ diện tích; cây ăn trái: $\geq 80\%$ diện tích; rau màu: $\geq 50\%$ diện tích).	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.5. Có cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương thực hiện ứng dụng công	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhóm tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách
		nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm		
		3.6. Tổ chức lấy ý kiến người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng trực tuyến.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.7. Có sản phẩm đạt chuẩn OCOP từ 04 sao trở lên	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4. Hoạt động quản lý	Quản trị, vận hành	4.1. Có Tổ Điều hành hoạt động Làng thông minh.	Đạt	Sở Nội vụ, Chính quyền địa phương
		4.2. Có quy chế vận hành Làng thông minh	Đạt	Sở Nội vụ, Chính quyền địa phương
		4.3. Có lộ trình phát triển Làng thông minh	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ